TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:16 /2018/DS-ST
Ngày: 30/3/2018.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Phạm Thị Anh Trang.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên và ông Mai Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2017/TLST-DS ngày 01/11/2017 về việc:***"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐDS-ST ngày 09/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A
Địa chỉ: Số 442 N. T. M. K, phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh T –Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Đặng Văn D – Giám đốc A phòng giao dịch N, Ninh Thuận theo các văn bản ủy quyền số 29/2017/UQ-PHR.17 ngày 04/10/2017, số 272/2017/UQ-PCTT 15 ngày 03/6/2013. (Có mặt)

2. Bị đơn: ông Lê Quốc D, sinh năm: 1982 và bà Trương Võ Thị Thủy C, sinh năm 1988. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 9, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/8/2014, Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) có ký thỏa thuận Hợp đồng tín dụng PHR.CN01040814 với ông Lê Quốc D và bà Trương Võ Thị Thủy C với số tiền vay 150.000.000^{đ}, lãi suất 11,3%/năm, thời hạn

vay 60 tháng, gốc lãi trả hàng tháng (tiền gốc 2.500.000^{đ}+ tiền lãi), lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất quá hạn bằng 150$^{\%}$ lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 04/8/2014 ông Lê Quốc D và bà Trương Võ Thị Thủy C có ký Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất) số PHR. BĐCN. 01040814 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh P thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số BU 125057 do UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho ông Lê Quốc D ngày 22/7/2014.

Sau khi giải ngân, kể từ ngày nhận tiền vay đến nay ông D, bà C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 94.446.043^{đ} sau đó ông D, bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông D, bà C vẫn không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã thông báo chấm dứt Hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn. Ngày 27/9/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc ông ông Lê Quốc D và bà Trương Võ Thị Thủy C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 30/3/2018 là 61.244.243^{đ} *(sáu mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng)*, trong đó: nợ gốc là 50.553.957^{đ}, tiền lãi là 10.690.286^{đ} (lãi trong hạn 4.867.751^{đ}, lãi quá hạn 5.822.535^{đ}). Ngân hàng không yêu cầu khoản phạt chậm trả gốc số tiền 244.594^{đ}.

- Buộc ông D, bà C phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 31/3/2018 cho đến khi trả xong nợ vay.

- Buộc ông D, bà C phải tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số PHR. BĐCN. 01040814 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Phan Rang thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 113m^2 tại thửa đất số 507 tờ bản đồ 08 phường Đ theo Giấy chứng nhận số BU 125057 do UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp ông D, bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lê Quốc D và bà Trương Võ Thị Thủy C được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành mặc dù Tòa án đã thông báo và tống đạt hợp lệ nhiều lần. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý đơn kiện đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp " Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; bị đơn cư trú tại phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi Thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng ông D, bà C vẫn vắng mặt không lý do, không có người đại diện tham gia tố tụng và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Theo hợp đồng tín dụng số PHR.CN01040814 ngày 04/8/2014 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A với ông Lê Quốc D và bà Trương Võ Thị Thủy C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Lê Quốc D và bà Trương Võ Thị Thủy C đã được Ngân hàng cấp tín dụng với số tiền vay 150.000.000^{đ} , lãi suất 11,3%/năm, thời hạn vay 60 tháng, gốc lãi trả hàng tháng (tiền gốc 2.500.000^{đ}+ tiền lãi), lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất quá hạn bằng 150$^{\%}$ lãi suất trong hạn. Ngày 04/8/2014 ông D, bà C có ký giấy xác nhận nợ với Ngân hàng đã nhận khoản tiền vay 150.000.000^{đ} chứng tỏ cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông D, bà C vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi hàng tháng nên Ngân hàng đã Thông báo chấm dứt Hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn, ngày 27/9/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn. Việc ông D, bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm điều 4, 13 của Hợp đồng tín dụng. Đồng thời, theo quy định tại điều 14 của Phụ lục hợp đồng tín dụng được 2 bên ký kết thì " khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng được chấm dứt hợp đồng, áp dụng lãi suất quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) đối với toàn bộ dư nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại điều 3 và điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Mặc khác, bị đơn ông D, bà C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài

liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xem như mặc nhiên đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh nên theo quy định tại điều 91, khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xét quan điểm của Viện kiểm sát, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Quốc D và bà Trương Võ Thị Thủy C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 30/3/2018 là 61.244.243đ *(sáu mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng)*, trong đó: nợ gốc là 50.553.957đ, tiền lãi là 10.690.286đ (lãi trong hạn 4.867.751đ, lãi quá hạn 5.822.535đ) và thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 31/3/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có căn cứ phù hợp điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; điều 3, 91 luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên chấp nhận.

- Xét Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất) số PHR. BĐCN. 01040814 ngày 04/8/2014 được ký kết giữa ông Lê Quốc D, bà Trương Võ Thị Thủy C với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Phan Rang thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 507 tờ bản đồ 08 phường Đ theo Giấy chứng nhận số BU 125057 do UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho ông Lê Quốc D ngày 22/7/2014 được công chứng và đăng ký thế chấp tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nội dung thỏa thuận nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn, tiền bị phạt chậm trả lãi, phí, các chi phí phát sinh và các khoản phải trả khác được quy định trong Hợp đồng tín dụng số PHR.CN01040814 ngày 04/8/2014 nên việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số PHR. BĐCN. 01040814 để đảm bảo cho việc thi hành án là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 91; điều 92; điều 147; khoản 2 điều 184; khoản 2 điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các điều, 357, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 3, 91 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với bị đơn là ông Lê Quốc D và bà Trương Võ Thị Thủy C.

- Buộc ông Lê Quốc D và bà Trương Võ Thị Thủy C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ là tính đến ngày 30/3/2018 là 61.244.243đ *(sáu mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng)*, trong

đó: nợ gốc là 50.553.957^{đ}, nợ lãi là 10.690.286^{đ} (lãi trong hạn 4.867.751^{đ}, lãi quá hạn 5.822.535^{đ}).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Quốc D, bà Trương Võ Thị Thủy C phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 31/3/2018 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số PHR. BĐCN. 01040814 được ký kết giữa ông Lê Quốc D, bà Trương Võ Thị Thủy C với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh P đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 113,3 m^2 tại thửa đất số 507 tờ bản đồ 08 phường Đ theo Giấy chứng nhận số BU 125057 do UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho ông Lê Quốc D ngày 22/7/2014 để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp ông D, bà C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp được xử lý phát mãi theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

Về án phí: ông Lê Quốc D, bà Trương Võ Thị Thủy C phải chịu 3.062.000^{đ} *(Ba triệu không trăm sáu mươi hai ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 1.796.000^{đ} *(Một triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0014382 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Phan Rang – Tháp Chàm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tỉnh, Thành phố;
- Chi cục THADS Thành phố;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Trang